TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-PT
Ngày 13 tháng 6 năm 2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Trần Văn San.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: Tổ C, phường L (nay là phường C), thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Số nhà B, ngõ B, phố N, tổ H, phường T (nay là phường C) thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Thanh L, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số nhà B, ngõ B, phố N, tổ H, phường T (nay là phường C) thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Đức T, sinh năm 1990 và chị Lương Thị Thu T1, sinh năm 1990; cùng nơi cư trú: Số nhà A, S1 Khu đô thị S, tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

+ Ngân hàng N (Viết tắt là V); địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường T, quận H, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T2; chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông

Vũ Huy H; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Vietcombank tỉnh V; địa chỉ trụ sở Chi nhánh tỉnh H: Đường L, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Cao Thúy H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm B, xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Những người kháng cáo: Chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L kết hôn ngày 25/01/2018, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường L (nay là phường C), thành phố P, tỉnh Hà Nam. Theo quan điểm của chị D, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp, anh L nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị D. Cả hai cùng xác định sống ly thân từ năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Tháng 10 năm 2022, chị D làm đơn khởi kiện ly hôn; sau đó đến tháng 02 năm 2023, chị D đã tự nguyện rút đơn khởi kiện; tuy nhiên, tình cảm không cải thiện và vợ chồng tiếp tục sống ly thân. Đến nay Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã xử công nhận thuận tình ly hôn theo nguyện vọng của chị D và anh L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L đều xác định vợ chồng có hai con chung gồm: Cháu Lương Minh C, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Lương Minh K, sinh ngày 26/7/2022; Hiện tại cả hai cháu đều ở với chị D. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi cả hai con chung; chị D yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng; anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con nuôi, con riêng: Chị D và anh L đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị D xác định tài sản chung của vợ chồng có thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018 tại tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; trên đất vợ chồng xây 01 căn nhà 03 tầng và thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, diện tích 50m^2 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và chưa xây dựng công trình trên đất.

Quan điểm của anh L xác định nhà và đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18 có nguồn gốc do anh L bán đất của cá nhân anh L trước khi kết hôn với chị D để mua đất, làm nhà; chị D không đóng góp công sức gì nên là tài sản riêng của anh L. Đối với thửa đất 164, tờ bản đồ số 18 thuộc tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn anh L nhận lại nhà đất tại thửa 17, còn thửa 164 nếu chị D đồng ý, anh L xin sử dụng và thanh toán chênh lệch cho chị D số tiền 500.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Phạm Đức T và chị Lương Thị Thu T1) xác định có cho anh Lương Thanh L vay số tiền 1.570.000.000 đồng và đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa số 164. Nay chị D và anh Lâm ly H2, anh T, chị T1 yêu cầu cả chị D và anh L đều phải trả toàn bộ số tiền 1.570.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện của Ngân hàng V xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018 tại tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam hiện đang thế chấp và giữ bản gốc tại V Chi nhánh H để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng ký ngày 06/4/2022 vay 1.500.000.000 đồng. Hợp đồng vay đã hết hiệu lực và đã tất toán ngày 22/7/2022 không còn dư nợ vay. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh L, chị D đến làm thủ tục nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018 nhưng anh L, chị D không thực hiện. Nay V đề nghị trả lại tài sản bảo đảm khi có phán quyết của Toà án theo quy định của pháp luật.

Chị Cao Thúy H1 xác định năm 2017, chị H1 có mua mảnh đất của anh Lương Thanh L tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 32; địa chỉ đất tại xóm H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam với giá 2.000.000.000 đồng. Chị H1 và anh L đã thanh toán xong số tiền trên và không còn liên quan gì nữa. Việc giao dịch mua bán chỉ có chị H1 với anh L; ngoài ra, không còn ai tham gia cùng.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 28/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố P, tỉnh Hà Nam xác định thửa đất số 17 và căn nhà 03 tầng trên thửa đất, tại địa chỉ số nhà B, ngõ B, phố N, tổ H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam có giá trị như sau:

Về diện tích 83m^2 đất thổ cư có giá 9.360.000 đ/m^2 = 776.880.000 đồng.

Đối với ngôi nhà mái bằng 03 tầng bê tông cốt thép, móng bê tông, khung cột thép, cửa gỗ, cửa cuốn, tường gạch đỏ 220, cầu thang gỗ, công trình phụ khép kín, gạch lát liên doanh, xây dựng năm 2019 trị giá 1.530.539.253 đồng.

Toàn bộ vật dụng, đồ dùng gia dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: Tầng 1 có Tivi Samsung SX 2021; quạt trần PANASONIC; quạt cây MITSUBISHI; Kệ gỗ tivi (217x45x60); Bộ bàn ghế tiếp khách sofa có đệm, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn; Bộ bàn ăn bằng gỗ 06 ghế KT mặt bàn (1,5x 0,70)m; Đồng hồ cây bằng gỗ KT (1,85x63x38)m; tủ lạnh 02 cánh HITACHI; Điều hòa PANASONIC loại 2400 WW; bếp từ K1; máy hút mùi Ferroli. Tầng 2: Tủ quần áo bằng gỗ KT (1,8x2,15x56) cm; Giường bằng gỗ KT 1,8x2,0m; kệ trang điểm gỗ KT

(108x67x38) cm và gương hình Elip gắn trên kệ; T3; Bộ bàn ghế SOFA trắng thời trang bằng gỗ công nghiệp; Quạt cây MITSUBISHI; Điều hòa PANASONIC; kệ gỗ tivi gỗ công nghiệp (2,25x50x40)m. Tầng 3: Tủ sấy quần áo Sunhouse (70x1,5x43)cm; máy giặt Electrolux 9kg; Tủ quần áo gỗ KT (1,9x2,1x5,7)m. Tổng giá trị công cụ, dụng cụ gia đình là 108.995.000 đồng.

Tổng tài sản trên đất, công cụ dụng cụ gia đình và đất tại thửa đất số 17 có trị giá 2.416.414.253 đồng.

Về diện tích 50m^2 đất tại thửa đất số 164 có giá 6.500.000 đồng/m^2 x 50m^2 = 325.000.000 đồng; tài sản trên đất không có công trình, vật kiến trúc nào khác.

Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng chị D, anh L là 2.741.414.253 đồng (Hai tỷ bẩy trăm bốn mươi mốt triệu bốn trăm mười bốn nghìn hai trăm năm mươi ba đồng).

Tại phiên toà sơ thẩm, chị Nguyễn Thùy D đề nghị mỗi người nuôi một con chung và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; đối với công nợ đề nghị bác quan điểm của bị đơn về việc ngày 30/6/2022 vợ chồng có vay của anh Phạm Đức T và chị Lương Thị Thu T1 số tiền 1.570.000.000 đồng để xây nhà, với lý do: Vợ chồng xây nhà xong từ đầu năm 2020, xây xong còn tiền mua thửa đất 164. Chị D chưa bao giờ được anh L thông báo về việc nợ tiền vợ chồng anh T; trường hợp anh L có vay thì là nợ cá nhân, anh L phải tự trả nợ toàn bộ, chị D không có nghĩa vụ trả nợ cùng anh L. Đồng thời, bác bỏ yêu cầu của bị đơn về việc xác định thửa đất số 17 và thửa đất số 164 là tài sản riêng của anh L; đề nghị tuyên bố giao dịch thế chấp thửa đất số 164 giữa anh L và anh T là vô hiệu, buộc anh T hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 164 để vợ chồng anh L, chị D chia tài sản chung đối với thửa 17 và 164 theo quy định của pháp luật. Chị D đề nghị Ngân hàng V bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất tại thửa 17 để đảm bảo phân chia tài sản chung khi ly hôn theo pháp luật; đồng thời, đề nghị chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản, chị D xin sở hữu nhà đất tại thửa số 17, giao thửa đất 164 cho anh L và thanh toán chênh lệch bằng tiền theo pháp luật quy định.

Phía bị đơn đề nghị được thuận tình ly hôn và xác định thửa đất 17 và thửa đất số 164 là tài sản riêng của bị đơn do bán đất năm 2017 ở thị trấn V, huyện L cho chị Cao Thúy H1 (trước khi kết hôn); số tiền hai tỷ đồng do bán đất để mua, chị D không có công sức gì để mua cả hai thửa đất mà chỉ có công sức đóng góp xây nhà 3 tầng và đồ gia dụng. Khi ly hôn anh L nhận lại tài sản riêng gồm hai thửa đất 17 và 164; xin sở hữu nhà ba tầng, vật dụng sinh hoạt và trả chênh lệch ½ giá trị bằng tiền cho chị D như Hội đồng định giá đã xác định; đồng thời, yêu cầu chia đôi công nợ chung của vợ chồng vay anh T, chị T1 ngày 30/6/2022, với số tiền 1.570.000.000 đồng.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh T, chị T1) nhất trí với quan điểm của anh L về khoản nợ chung của vợ chồng. Từ khi vay đến nay anh L đã trả lãi 200.000.000 đồng. Nay anh T, chị T1 yêu cầu vợ chồng anh

L, chị D trả nợ số tiền gốc 1.570.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 164 đang do anh Phạm Đức T giữ thế chấp để vay số tiền ngày 30/6/2022.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 244, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 122, 123, 131, 132 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 28, 29, 33, 37, 45, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Lương Minh K (con trai), sinh ngày 26/7/2022. Giao anh Lương Thanh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Lương Minh C (con gái), sinh ngày 10/8/2018; cho đến khi cháu K và cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung:

Tuyên vô hiệu giao dịch thế chấp tài sản giữa anh Lương Thanh L và anh Phạm Đức T đối với thửa đất 164 ở L, P, Hà Nam. Buộc anh T hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 164 tờ bản đồ số 18, diện tích 50m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019, tại địa chỉ phường L, thành phố P cho anh L. Việc giao nộp thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo pháp luật quy định.

Ngân hàng V bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018 cho chủ sử dụng đất hợp pháp được

phân chia tại bản án là chị Nguyễn Thùy D. Việc giao nộp thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo pháp luật quy định.

Xác định tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị D, anh L gồm: Giá trị đất, nhà ba tầng và tài sản trên đất, đồ dùng, dụng cụ gia đình tại thửa đất số 17, giá trị đất tại thửa 164 là 2.741.414.253 đồng. Chia tài sản chung: Chia phần của anh L được hưởng 55 %, tương ứng giá trị anh L được chia hưởng trong khối tài sản chung là 1.507.777.839 đồng; chia phần chị D 45 %, tương ứng giá trị chị D được hưởng trong khối tài sản chung là 1.233.636.414 đồng.

Giao cho chị Nguyễn Thùy D được quyền sở hữu nhà 3 tầng tại số nhà B, ngõ B, phố N và sử dụng thửa đất 17 có công trình nhà 3 tầng nêu trên cùng toàn bộ tài sản gia dụng: Tổng giá trị đất, tài sản trên đất, công cụ, dụng cụ gia đình tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83 m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018, toàn bộ đồ dụng, vật dụng gia đình tại Biên bản định giá ngày 28/11/2024 là 2.416.414.253 đồng. Chị D có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho anh L 1.182.777.839 đồng làm tròn là 1.182.778.000 đồng. Nghĩa vụ xoá thế chấp, đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 17, chị D có trách nhiệm thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai theo pháp luật quy định.

Giao cho anh Lương Thanh L được quyền sử dụng thửa đất 164, tờ bản đồ số 18, diện tích 50m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Thửa đất này chưa xây dựng công trình, trị giá 325.000.000 đồng. Anh L được nhận khoản tiền chênh lệch tài sản do chị D thanh toán là 1.182.778.000 đồng.

Về công nợ: Bác yêu cầu của anh Lương Thanh L về việc số tiền 1.570.000.000 đồng anh Lương Thanh L vay nợ anh Phạm Đức T, chị Lương Thị Thu T1 là nợ chung của vợ chồng anh L và chị D. Anh Lương Thanh L phải chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ cho anh T, chị T1 với số tiền vay là 1.570.000.000 đồng.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L đều kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Phía chị Nguyễn Thùy D kháng cáo xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi cả hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 3 năm 2025 đến khi các cháu đủ 18 tuổi; đồng thời, chia tài sản chung theo tỷ lệ 50/50 và xin nhận nhà, đất tại thửa số 17 cùng toàn bộ tài sản trên đất

ở số nhà B, ngõ B, phố N và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản trả anh L số 1.045.707.000 đồng.

Phía anh Lương Thanh L kháng cáo xin nhận nhà, đất và tài sản trên đất tại Khu đô thị N; chia mảnh đất tại thửa số 164 tại L cho chị D quản lý, sử dụng; anh L trả chị D thêm phần chênh lệch bằng tiền theo quy định.

Tại phiên toà phúc thẩm, chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L thay đổi nội dung kháng cáo và thống nhất thoả thuận về phần chia tài sản, công nợ chung; cụ thể:

Về tài sản chung, anh Lương Thanh L được quyền sở hữu nhà 3 tầng tại số nhà B, ngõ B, phố N và sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018; anh L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thùy D số tiền 1.182.778.000 đồng (anh L đã thanh toán cho chị D trước số tiền 882.778.000); anh L còn phải thanh toán cho chị D số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thùy D được quyền sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, diện tích 50m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và được nhận số tiền chênh lệch tài sản còn lại là 300.000.000 đồng.

Về công nợ, anh Lương Thanh L và chị Nguyễn Thùy D đều xác định số tiền 1.570.000.000 đồng nợ vợ chồng anh Phạm Đức T, chị Lương Thị Thu T1 là nợ riêng của anh L như bản án sơ thẩm đã xác định. Đến nay, anh L đã trả đủ anh T, chị T1 số tiền 1.570.000.000 đồng; vì vậy, anh L không đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với các yêu cầu khác, chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L nhất trí như án sơ thẩm không đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà; cụ thể: Giao anh Lương Thanh L được quyền sở hữu nhà 3 tầng tại số nhà B, ngõ B, phố N và sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m^2 và các tài sản gia dụng; anh L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thùy D số tiền 1.182.778.000 đồng (anh L đã thanh toán cho chị D số tiền 882.778.000); anh L còn phải thanh toán tiếp cho chị D số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. Giao cho chị Nguyễn Thùy D được quyền sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, diện tích 50m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ,

phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và được nhận số tiền chênh lệch tài sản còn lại là 300.000.000 đồng; về công nợ, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Các phần khác của bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên như án sơ thẩm. Án phí phúc thẩm các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L (nay là phường C), thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 25/01/2018. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Lương Minh K, sinh ngày 26/7/2022 cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lương Minh C, sinh ngày 10/8/2018 cho anh Lương Thanh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn (chị Nguyễn Thùy D) và bị đơn (anh Lương Thanh L), Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên toà phúc thẩm, chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L thay đổi nội dung kháng cáo và thống nhất thoả thuận về phần chia tài sản chung và công nợ; cụ thể:

Anh Lương Thanh L được quyền sở hữu nhà 3 tầng tại số nhà B, ngõ B, phố N và sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018; anh

L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thùy D số tiền 1.182.778.000 đồng (anh L đã thanh toán cho chị D số tiền 882.778.000); anh L còn phải thanh toán cho chị D số tiền còn lại là 300.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thùy D được quyền sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, diện tích 50m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và được nhận số tiền chênh lệch tài sản còn lại là 300.000.000 đồng.

Về công nợ, anh Lương Thanh L và chị Nguyễn Thùy D đều xác định số tiền 1.570.000.000 đồng nợ vợ chồng anh Phạm Đức T, chị Lương Thị Thu T1 là nợ riêng của anh L như bản án sơ thẩm đã xác định. Đến nay, anh L đã trả đủ anh T, chị T1 số tiền 1.570.000.000 đồng và nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019; đồng thời, giao cho chị Nguyễn Thùy D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại phiên toà phúc thẩm và không đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với các yêu cầu khác, chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L nhất trí như án sơ thẩm không đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Việc thoả thuận của các đương sự tại phiên toà là tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự là phù hợp với Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 15/2025/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 244, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 122, 123, 131, 132 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 28, 29, 33, 37, 45, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Lương Minh K (con trai), sinh ngày 26/7/2022. Giao anh Lương Thanh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Lương Minh C (con gái), sinh ngày 10/8/2018; cho đến khi cháu K và cháu C trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

3.1. Ngân hàng V bàn giao Giấy chứng nhận tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83 m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018 cho chủ sử dụng đất hợp pháp được phân chia tại bản án là anh Lương Thanh L. Việc giao nộp thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo pháp luật quy định.

3.2. Xác định tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng chị D, anh L gồm: Giá trị đất, nhà ba tầng và tài sản trên đất, đồ dùng, dụng cụ gia đình tại thửa đất số 17, giá trị đất tại thửa 164 là 2.741.414.253 đồng. Chia tài sản chung: Chia phần của anh L được hưởng 55 %, tương ứng giá trị anh L được chia hưởng trong khối tài sản chung là 1.507.777.839 đồng; chia phần chị D 45 %, tương ứng giá trị chị D được hưởng trong khối tài sản chung là 1.233.636.414 đồng.

3.3. Giao anh Lương Thanh L được quyền sở hữu nhà 3 tầng tại số nhà B, ngõ B, phố N và sử dụng thửa đất 17 có công trình nhà 3 tầng nêu trên và toàn bộ tài sản gia dụng: Tổng giá trị đất, tài sản trên đất, công cụ, dụng cụ gia đình tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 18, diện tích 83 m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 056338 ngày 21/11/2018, toàn bộ đồ dụng, vật dụng gia đình tại biên bản định giá ngày 28/11/2024 là 2.416.414.253 đồng. Anh L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thùy D số tiền 1.182.778.000 đồng (anh L đã thanh toán cho chị D số tiền 882.778.000); anh L còn phải thanh toán tiếp cho chị D số tiền còn lại là 300.000.000 đồng (ba

trăm triệu đồng). Nghĩa vụ xoá thế chấp, đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa 17; anh L có trách nhiệm thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai theo pháp luật quy định.

3.4. Giao chị Nguyễn Thùy D được quyền sử dụng thửa đất 164, tờ bản đồ số 18, diện tích 50m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Thửa đất này chưa xây dựng công trình, trị giá 325.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thùy D được nhận số tiền còn lại là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) từ anh Lương Thanh L (anh Lương Thanh L đã giao cho chị Nguyễn Thùy D Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 224553 ngày 24/7/2019 tại phiên toà phúc thẩm).

4. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.923.000 đồng và định giá tài sản là 6.000.000 đồng. Do chị D đã nộp toàn bộ số tiền trên nên anh L phải hoàn trả chị D là 1.961.500 đồng chi phí thẩm định tại chỗ và 3.300.000 đồng chi phí định giá tài sản. Tổng là 5.261.500 đồng, làm tròn là 5.262.000 đồng (năm triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

6. Về án phí:

6.1. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L, mỗi người phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị D được đối trừ với tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000430 ngày 05/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Nguyễn Thùy D được nhận lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6.2. Án phí chia tài sản chung: Anh Lương Thanh L phải nộp 57.233.335 đồng làm tròn là 57.233.000 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng). Chị Nguyễn Thùy D phải nộp 49.009.092 đồng làm tròn 49.009.000 đồng (bốn mươi chín triệu không trăm linh chín nghìn đồng); đối trừ với số tiền 28.500.000 đồng mà chị D đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0000462 ngày 02/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Nguyễn Thùy D còn phải nộp tiếp số tiền 20.509.000đ (hai mươi triệu năm trăm linh chín nghìn đồng).

6.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thùy D và anh Lương Thanh L mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng mà chị Nguyễn Thùy D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0002152 ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Đối trừ số tiền 300.000 đồng mà anh Lương Thanh L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0002150 ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Châu Cầu, thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu HS; TDS; Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đức Thủy